

Số: /QĐ-UBND

Sính Phình, ngày tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đội dân phòng tại các thôn trên địa bàn xã Sính Phình

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SÍNH PHÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15/5/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Thông tư 36/2025/TT-BCA ngày 15/5/2025 của Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 29/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Công văn số 5855/UBND-NC ngày 07/7/2026 UBND tỉnh Điện Biên về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định tiêu chí thành lập và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng;

Theo đề nghị của Công an xã tại Tờ trình số 837/TTr-CAX ngày 14/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đội dân phòng tại các thôn trên địa bàn xã Sính Phình như sau:

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Đội dân phòng tại các thôn có nhiệm vụ:

a) Đề xuất ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, xây dựng, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ thuộc phạm vi quản lý.

b) Thực hiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ trong phạm vi, nhiệm vụ được phân công và tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi được huy động.

c) Đội dân phòng phối hợp tham gia thực hiện các nhiệm vụ sau đây khi có yêu cầu:

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ;

- Xây dựng Phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và phương án cứu nạn, cứu hộ của cơ quan Công an, chuẩn bị lực lượng, người, phương tiện tham gia thực tập phương án.

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng Công an xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Công an tỉnh (PC07);
- Thường trực Đảng ủy xã (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã (báo cáo);
- Lãnh đạo UBND xã;
- UBMTTQ xã;
- Phòng Kinh tế;
- BT Chi bộ, Trưởng các thôn trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, CA.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Biểu

DANH SÁCH
Đội dân phòng tại các thôn trên địa bàn xã Sính Phình

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
1	Sùng A Tính	28/3/1988	Nam	Đội trưởng	
2	Thào A Sử	12/02/1980	Nam	Đội viên	
3	Sùng A Chù	29/7/1985	Nam	Đội viên	
4	Chang A Chù	20/11/1993	Nam	Đội viên	
5	Thào A Dè	16/08/1978	Nam	Đội viên	
6	Chang Thị Cha	03/06/1992	Nam	Đội viên	
7	Sùng A Lồng	06/05/1980	Nam	Đội viên	
8	Thào A Cha	27/04/1985	Nam	Đội phó	
9	Chang A Khu	09/10/1993	Nam	Đội viên	
10	Thào A Súa	10/07/2004	Nam	Đội viên	
2. Thôn Đề Dê Hu					
1	Thào A Giống	03/03/1998	Nam	Đội trưởng	
2	Thào A Lệnh	13/08/1992	Nam	Đội phó	
3	Thào A Trùng	01/03/1993	Nam	Đội viên	
4	Sùng A Kỷ	03/09/1985	Nam	Đội viên	
5	Thào A Súa	08/10/1994	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
6	Thào A Sử	29/01/1996	Nam	Đội viên	
7	Thào A Thông	03/02/1985	Nam	Đội viên	
8	Sùng A Sinh	02/10/1987	Nam	Đội viên	
9	Thào A Lồng	06/03/1990	Nam	Đội viên	
10	Sùng Thị Dung	14/08/1992	Nữ	Đội viên	
3. Thôn Phiêng Páng					
1	Sùng A Lừ	17/03/1985	Nam	Đội trưởng	
2	Sùng A Cha	26/03/1990	Nam	Đội phó	
3	Sùng A Khua	15/05/1983	Nam	Đội viên	
4	Vàng A Tính	16/02/1993	Nam	Đội viên	
5	Chang A Dê	12/03/1993	Nam	Đội viên	
6	Vàng A Páo	09/06/1985	Nam	Đội viên	
7	Thào A Ký	01/06/1992	Nam	Đội viên	
8	Sùng A Dê	12/04/1996	Nam	Đội viên	
9	Sùng A Màng	02/07/1993	Nam	Đội viên	
10	Giàng A Lừ	01/01/1990	Nam	Đội viên	
4. Thôn Phi Dinh					

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
1	Ly A Dờ	03/10/1983	Nam	Đội viên	
2	Giàng A Vừ	19/05/1982	Nam	Đội phó	
3	Hạng A Cửa	09/11/1980	Nam	Đội trưởng	
4	Vàng A Su	10/05/1985	Nam	Đội viên	
5	Ly A Chư	06/03/1988	Nam	Đội viên	
6	Giàng A Minh	02/12/1990	Nam	Đội viên	
7	Giàng A Tinh	14/05/1992	Nam	Đội viên	
8	Ly A Chù	04/12/1993	Nam	Đội viên	
9	Vàng A Cơ	10/05/1984	Nam	Đội viên	
10	Hạng A Dè	01/08/1992	Nam	Đội viên	
5. Thôn Vàng Chua					
1	Thào A Chùa	03/02/1986	Nam	Đội trưởng	
2	Cứ A Nênh	25/11/1989	Nam	Đội phó	
3	Cứ A Giàng	12/05/1995	Nam	Đội viên	
4	Cứ A Sùng	20/12/1996	Nam	Đội viên	
5	Thào A Chang	05/05/1994	Nam	Đội viên	
6	Vừ A Sinh	06/08/1995	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
7	Giàng A Chớ	08/09/1994	Nam	Đội viên	
8	Thào A Sùng	11/02/1960	Nam	Đội viên	
9	Thào A Lồng	15/03/1994	Nam	Đội viên	
10	Giàng Thị Chu	12/11/2001	Nam	Đội viên	
6. Thôn Bản Phô					
1	Thào A Vàng	07/08/1993	Nam	Đội trưởng	
2	Giàng A Kỷ	12/05/199	Nam	Đội phó	
3	Thào A Cháng	17/09/2000	Nam	Đội viên	
4	Lý A Hờ	27/08/2002	Nam	Đội viên	
5	Thào A Sinh	03/06/2004	Nam	Đội viên	
6	Thào A Trầu	03/12/1993	Nam	Đội viên	
7	Lý A Pùa	04/09/1992	Nam	Đội viên	
8	Thào Thị Che	03/09/1999	Nam	Đội viên	
9	Sùng A Tủa	01/01/1989	Nam	Đội viên	
10	Giàng A Sử	17/02/1990	Nam	Đội viên	
7. Thôn Trung Phàng Khổ					
1	Sùng A Pùa	16/11/1997	Nam	Đội trưởng	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
2	Giàng A Tủa	07/08/1997	Nam	Đội phó	
3	Thào A Lý	07/10/1997	Nam	Đội viên	
4	Vừ A Tủa	05/10/1989	Nam	Đội viên	
5	Vừ A Tăng	08/12/1996	Nam	Đội viên	
6	Hờ A Pùa	29/10/1994	Nam	Đội viên	
7	Sùng A Phổng	08/09/1982	Nam	Đội viên	
8	Hờ A Páo	20/10/1972	Nam	Đội viên	
9	Thào Thị Mang	08/9/2000	Nữ	Đội viên	
10	Sùng A Sang	16/03/1986	Nam	Đội viên	
8. Thôn Háng Cu Tàu					
1	Giàng A Dì	27/03/1993	Nam	Đội trưởng	
2	Giàng A Lử	18/03/1993	Nam	Đội phó	
3	Hạng A Nhè	12/10/1996	Nam	Đội viên	
4	Lý A Tủa	20/05/2001	Nam	Đội viên	
5	Lý A Pó	04/07/1997	Nam	Đội viên	
6	Sùng A Mà	30/01/1993	Nam	Đội viên	
7	Giàng A Phổng	10/03/1964	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
8	Vừ Thị Chia	12/04/2002	Nữ	Đội viên	
9	Giàng A Vảng	21/01/1988	Nam	Đội viên	
10	Chang A Pù	08/04/1997	Nam	Đội viên	
9. Thôn Háng Đê Dê					
1	Thào A Chờ	21/08/1997	Nam	Đội trưởng	
2	Giàng A Kỷ	24/03/1989	Nam	Đội phó	
3	Vừ A Su	20/01/1993	Nam	Đội viên	
4	Vừ A Làng	21/10/1989	Nam	Đội viên	
5	Sùng A Trùng	24/06/1985	Nam	Đội viên	
6	Sùng A Páo	01/05/1991	Nam	Đội viên	
7	Sùng Thị Mỹ	08/03/1986	Nam	Đội viên	
8	Sùng Sinh	24/06/1961	Nam	Đội viên	
9	Giàng A Sùng	17/11/1991	Nam	Đội viên	
10	Giàng A Lử	09/12/1987	Nam	Đội viên	
10. Thôn Háng Sung					
1	Sùng A Màng	03/04/1988	Nam	Đội trưởng	
2	Cứ A Chơ	13/01/1999	Nam	Đội phó	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
3	Giàng A Dì	08/05/1991	Nam	Đội viên	
4	Thào A Trù	15/08/1988	Nam	Đội viên	
5	Vàng A Tùng	01/5/1992	Nam	Đội viên	
6	Mùa A Dì	26/03/1987	Nam	Đội viên	
7	Chang A Minh	20/04/1993	Nam	Đội viên	
8	Giang A Khu	03/09/2001	Nam	Đội viên	
9	Thào Thị Là	01/01/1991	Nữ	Đội viên	
10	Chang Thị Sung	10/06/1997	Nữ	Đội viên	
11. Thôn Là Xa					
1	Giàng A Tỉnh	19/05/1988	Nam	Đội trưởng	
2	Thào A Tăng	10/08/1993	Nam	Đội phó	
3	Chang A Chớ	13/05/1996	Nam	Đội viên	
4	Thào A Sáu	12/12/2001	Nam	Đội viên	
5	Giàng A Phổng	10/09/1974	Nam	Đội viên	
6	Giàng A Lùng	12/06/1994	Nam	Đội viên	
7	Chang A Sùng	19/05/1988	Nam	Đội viên	
8	Vàng A Sinh	06/081996	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
9	Giàng A Nhè	20/06/2001	Nam	Đội viên	
10	Thào A Xang	19/08/1993	Nam	Đội viên	
12. Thôn I					
1	Sình A Nhu	10/10/1985	Nam	Đội trưởng	
2	Vàng A Hồ	12/02/1991	Nam	Đội phó	
3	Giàng A Chao	10/03/1985	Nam	Đội viên	
4	Sình A Báo	09/05/1993	Nam	Đội viên	
5	Giàng A Lù	20/03/1990	Nam	Đội viên	
6	Giàng A Dử	02/03/1977	Nam	Đội viên	
7	Vì A Lâm	05/09/1988	Nam	Đội viên	
8	Vì Thị Tro	08/06/1990	Nữ	Đội viên	
9	Giàng A Nhơ	13/05/1992	Nam	Đội viên	
10	Giàng A Sình	22/04/1993	Nam	Đội viên	
13. Thôn Trung Thu					
1	Lý A Chư	01/06/991	Nam	Đội trưởng	
2	Vừ A Cháng	22/04/2001	Nam	Đội Phó	
3	Vàng A Dờ	06/01/1996	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
4	Sùng A Sinh	24/02/1986	Nam	Đội viên	
5	Vàng A Lồng	19/05/1988	Nam	Đội viên	
6	Giàng A Chu	28/01/2000	Nam	Đội viên	
7	Thào A Sang	28/01/1992	Nam	Đội viên	
8	Vừ A Chỉnh	02/12/1987	Nam	Đội viên	
9	Sùng thị Sua	01/01/1995	Nữ	Đội viên	
10	Vừa A Cửa	07/08/1995	Nam	Đội viên	
14. Thôn II					
1	Giàng A Sông	07/09/1985	Nam	Đội trưởng	
2	Giàng A Vảng	26/03/1998	Nam	Đội phó	
3	Vì A Chai	10/8/1997	Nam	Đội viên	
4	Sùng A Vảng	14/10/1999	Nam	Đội viên	
5	Sình A Du	3/5/2000	Nam	Đội viên	
6	Giàng A Lâu	02/10/1990	Nam	Đội viên	
7	Giàng A Dơ	02/03/1985	Nam	Đội viên	
8	Vì A Giáo	17/03/1985	Nam	Đội viên	
9	Giàng Thị Gầu	08/04/1990	Nữ	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
10	Giàng A Tứ	21/08/1998	Nam	Đội viên	
15. Thôn Dê Dàng					
1	Chang A Trè	03/8/1985	Nam	Đội Trưởng	
2	Chang A Giàng	06/12/1976	Nam	Đội phó	
3	Giàng A Phử	10/02/1987	Nam	Đội viên	
4	Cứ A Sang	10/9/1994	Nam	Đội viên	
5	Thào A Tùng	12/01/1995	Nam	Đội viên	
6	Chang A Vàng	03/02/1991	Nam	Đội viên	
7	Phàng A Sùng	12/10/1997	Nam	Đội viên	
8	Chang A Vảng	13/9/1998	Nam	Đội viên	
9	Cứ Thị Lý	08/07/1995	Nữ	Đội viên	
10	Cứ A Xấu	16/07/1992	Nam	Đội viên	
16. Thôn Tả Phìn					
1	Chang A Dì	20/08/1993	Nam	Đội viên	
2	Hạng A Páo	07/02/1988	Nam	Đội viên	
3	Sùng A Chư	09/12/1990	Nam	Đội viên	
4	Chang Thị Là	09/12/1988	Nữ	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
5	Mùa A Náng	03/07/1985	Nam	Đội trưởng	
6	Mùa A Sinh	01/05/1988	Nam	Đội phó	
7	Mùa A Dũng	16/03/2001	Nam	Đội viên	
8	Thào A Phổng	21/09/1998	Nam	Đội viên	
9	Thào A Sùng	14/02/1998	Nam	Đội viên	
10	Mùa A Dè	01/06/1986	Nam	Đội viên	
17. Thôn Séo Phình					
1	Thào A Chù	03/09/1985	Nam	Đội viên	
2	Sùng A Minh	01/01/1995	Nam	Đội viên	
3	Sùng A Sang	11/06/1995	Nam	Đội trưởng	
4	Sùng A Châu	14/06/1990	Nam	Đội viên	
5	Sùng A Dì	17/12/1998	Nam	Đội phó	
6	Thào A Hồ	23/08/2001	Nam	Đội viên	
7	Giàng A Long	12/06/2000	Nam	Đội viên	
8	Giàng A Chứ	22/02/1998	Nam	Đội viên	
9	Giàng A Chung	27/09/2002	Nam	Đội viên	
10	Vừ A Cầu	28/08/2001	Nam	Đội viên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Chức vụ trong dân phòng	Ghi chú
1. Thôn Tà Là Cáo					
18. Thôn Củ Dỉ Sang					
1	Giàng A Sáy	27/03/1988	Nam	Đội trưởng	
2	Giàng A Dững	12/03/2000	Nam	Đội phó	
3	Chang A Tăng	13/06/1990	Nam	Đội viên	
4	Thào A Tính	04/01/2000	Nam	Đội viên	
5	Giàng A Vàng	18/01/2003	Nam	Đội viên	
6	Vàng Thị Mỹ	08/10/2004	Nam	Đội viên	
7	Thào A Tăng	10/06/1998	Nam	Đội viên	
8	Giàng A Khu	21/06/1999	Nam	Đội viên	
9	Giàng A Cở	21/06/2000	Nam	Đội viên	
10	Thào A Tăng	17/10/1994	Nam	Đội viên	

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 9/2026 của UBND xã Sính Phình)